

Phụ lục I:**KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /7/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn huy động	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020
A.	Huy động và bố trí vốn	1.923.108	1.809.100,59
1.	Ngân sách Nhà nước	1.849.606	1.801.571,62
1.1.	Vốn Đầu tư phát triển	1.561.770	1.431.537,62
<i>a</i>	<i>Ngân sách Trung ương</i>	<i>1.217.118</i>	<i>1.232.828,00</i>
	- Ngân sách bố trí trực tiếp của NTM	693.860	693.860,00
	- Vốn lồng ghép	523.258	538.968,00
	+ Chương trình 135	265.336	177.278,00
	+ Chương trình 30a	257.922	361.690,00
<i>b</i>	<i>Ngân sách địa phương</i>	<i>344.652</i>	<i>198.709,62</i>
	- Ngân sách bố trí trực tiếp của NTM	50.000	52.249,93
	- Vốn lồng ghép	294.652	146.459,69
1.2.	Vốn sự nghiệp	287.836	370.034,00
<i>a</i>	<i>Ngân sách Trung ương</i>	<i>287.836</i>	<i>370.034,00</i>
	- Ngân sách bố trí trực tiếp của NTM	198.600	202.700,00
<i>b</i>	<i>Ngân sách địa phương</i>		
2.	Vốn tín dụng		
3.	Vốn doanh nghiệp, hợp tác xã	25.467	
4.	Vốn huy động từ cộng đồng dân cư	48.035	7.528,97
	- Quy đổi từ hiến đất, hiến vật	20.000	1.033,37
	- Quy đổi từ ngày công lao động	8.000	4.652,60
	- Góp bằng tiền	5.035	1.843,00
	- Quy đổi từ vật tư (đất, đá, cát, sỏi,...)	15.000	
B	Nợ động xây dựng cơ bản		
1.	Nguồn vốn NSTW	0	0
2.	Nguồn vốn NSDP	0	0

Phụ lục II: KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /7/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng)

TT	MỤC TIÊU	ĐVT	TH 2015	TH 2019	30/6/2020
	Tổng số xã thực hiện Chương trình NTM		177	177	139
1	Bình quân số tiêu chí đạt chuẩn/ xã	xã	6,50	10,62	10,44
2	Mức độ đạt chuẩn của các xã				
2.1	Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) NTM	xã	2	20	11
	- số xã đã có quyết định công nhận đạt chuẩn NTM	xã	2	20	11
2.2	Số xã đạt 18 tiêu chí	xã	0	0	0
2.3	Số xã đạt 17 tiêu chí	xã	0	2	4
2.4	Số xã đạt 16 tiêu chí	xã	1	1	1
2.5	Số xã đạt 15 tiêu chí	xã	2	2	2
2.6	Số xã đạt 14 tiêu chí	xã	2	5	7
2.7	Số xã đạt 13 tiêu chí	xã	0	10	7
2.8	Số xã đạt 12 tiêu chí	xã	4	10	6
2.9	Số xã đạt 11 tiêu chí	xã	2	17	10
2.10	Số xã đạt 10 tiêu chí	xã	6	24	15
2.11	Số xã đạt 09 tiêu chí	xã	6	32	31
2.12	Số xã đạt 08 tiêu chí	xã	20	26	22
2.13	Số xã đạt 07 tiêu chí	xã	25	14	15
2.14	Số xã đạt 06 tiêu chí	xã	36	11	7
2.15	Số xã đạt 05 tiêu chí	xã	31	3	1
2.16	Số xã đạt 04 tiêu chí	xã	29	0	0
2.17	Số xã đạt 03 tiêu chí	xã	10	0	0
2.18	Số xã đạt 02 tiêu chí	xã	1	0	0
2.19	Số xã đạt 01 tiêu chí	xã	0	0	0
3	Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí		6,50	10,62	10,44
3.1	Số xã đạt TC số 1 về Quy hoạch	xã	176	177	139
3.2	Số xã đạt TC số 2 về Giao thông	xã	5	61	39
3.3	Số xã đạt TC số 3 về Thủy lợi	xã	52	141	108
3.4	Số xã đạt TC số 4 về Điện	xã	93	120	87

3.5	Số xã đạt TC số 5 về Trường học	xã	8	46	34
3.6	Số xã đạt TC số 6 về CS VC VH	xã	2	22	16
3.7	Số xã đạt TC số 7 về CSHT thương mại NT	xã	94	147	112
3.8	Số xã đạt TC số 8 về Thông tin và TT	xã	109	63	51
3.9	Số xã đạt TC số 9 về Nhà ở dân cư	xã	8	65	46
3.10	Số xã đạt TC số 10 về Thu nhập	xã	14	27	20
3.11	Số xã đạt TC số 11 về Hộ nghèo	xã	33	26	17
3.12	Số xã đạt TC số 12 về LĐ có việc làm	xã	71	173	136
3.13	Số xã đạt TC số 13 về Tổ chức sản xuất	xã	48	78	63
3.14	Số xã đạt TC số 14 về Giáo dục	xã	36	118	86
3.15	Số xã đạt TC số 15 về Y tế	xã	61	115	97
3.16	Số xã đạt TC số 16 về Văn hoá	xã	33	134	110
3.17	Số xã đạt TC số 17 về Môi trường và ATTP	xã	4	34	24
3.18	Số xã đạt TC số 18 về HT CT và tiếp cận PL	xã	140	165	135
3.19	Số xã đạt TC số 19 về Quốc phòng và AN	xã	163	168	131